

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2017-2018
Khoa: Công nghệ Động Lực

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Cao đẳng																					
Ngành: Công nghệ Ô Tô																					
1	15CD-Ô1	49		13	36	0	0.00	3	6.12	9	18.37	34	69.39	1	2.04	1	2.04	0	0.00	1	
2	15CD-Ô2	48		8	40	1	2.08	0	0.00	8	16.67	25	52.08	10	20.83	0	0.00	1	2.08	3	
3	15CD-Ô3	50	1	15	35	0	0.00	1	2.00	8	16.00	36	72.00	3	6.00	0	0.00	0	0.00	2	
4	15CD-Ô4	41		9	32	0	0.00	0	0.00	10	24.39	28	68.29	1	2.44	0	0.00	0	0.00	2	
5	15CD-Ô5	49		10	39	2	4.08	0	0.00	4	8.16	39	79.59	2	4.08	1	2.04	0	0.00	1	
6	15CD-Ô6	50		12	38	0	0.00	1	2.00	10	20.00	27	54.00	6	12.00	0	0.00	0	0.00	6	
7	16CD-Ô1	41		20	21	0	0.00	1	2.44	2	4.88	31	75.61	4	9.76	0	0.00	0	0.00	3	
8	16CD-Ô2	42		11	31	0	0.00	1	2.38	4	9.52	25	59.52	8	19.05	2	4.76	0	0.00	2	
9	16CD-Ô3	40	1	12	28	0	0.00	0	0.00	3	7.50	23	57.50	9	22.50	0	0.00	0	0.00	5	
10	16CD-Ô4	38		11	27	0	0.00	0	0.00	3	7.89	27	71.05	6	15.79	1	2.63	0	0.00	1	
11	16CD-Ô5	51		10	41	0	0.00	0	0.00	4	7.84	23	45.10	17	33.33	3	5.88	0	0.00	4	
12	16CD-Ô6	36	1	11	25	0	0.00	0	0.00	3	8.33	17	47.22	13	36.11	1	2.78	0	0.00	2	
13	16CD-Ô7	40		11	29	0	0.00	0	0.00	6	15.00	19	47.50	10	25.00	1	2.50	0	0.00	4	
14	16CD-Ô8	39		8	31	0	0.00	1	2.56	3	7.69	23	58.97	10	25.64	0	0.00	0	0.00	2	
15	16CD-Ô9	41		12	29	0	0.00	0	0.00	5	12.20	22	53.66	5	12.20	1	2.44	0	0.00	8	
16	16CD-Ô10	47		16	31	0	0.00	0	0.00	6	12.77	27	57.45	12	25.53	0	0.00	0	0.00	2	
17	16CD-Ô11	45		20	25	0	0.00	2	4.44	8	17.78	20	44.44	12	26.67	1	2.22	0	0.00	2	
18	16CD-Ô12	37		9	28	0	0.00	1	2.70	4	10.81	25	67.57	5	13.51	0	0.00	0	0.00	2	

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém			
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
19	17C1-CNÔ1	52		20	32	2	3.85	3	5.77	13	25.00	27	51.92	3	5.77	1	1.92	0	0.00	3	
20	17C1-CNÔ2	49		13	36	1	2.04	2	4.08	7	14.29	26	53.06	8	16.33	3	6.12	0	0.00	2	
21	17C1-CNÔ3	49		18	31	1	2.04	9	18.37	13	26.53	22	44.90	1	2.04	0	0.00	0	0.00	3	
22	17C1-CNÔ4	53	1	16	37	0	0.00	0	0.00	5	9.43	23	43.40	16	30.19	5	9.43	0	0.00	4	
23	17C1-CNÔ5	48		20	28	0	0.00	1	2.08	4	8.33	19	39.58	13	27.08	0	0.00	0	0.00	11	
24	17C1-CNÔ6	46		18	28	0	0.00	1	2.17	5	10.87	27	58.70	7	15.22	0	0.00	0	0.00	6	
25	17C1-CNÔ7	49	4	18	31	0	0.00	3	6.12	2	4.08	23	46.94	17	34.69	1	2.04	0	0.00	3	
26	17C1-CNÔ8	49		27	22	0	0.00	2	4.08	5	10.20	30	61.22	8	16.33	0	0.00	0	0.00	4	
27	17C1-CNÔ9	51		10	41	1	1.96	2	3.92	6	11.76	26	50.98	7	13.73	0	0.00	0	0.00	9	
28	17C1-CNÔ10	51		19	32	0	0.00	1	1.96	2	3.92	30	58.82	10	19.61	0	0.00	0	0.00	8	
29	17C1-CNÔ11	48		12	36	0	0.00	2	4.17	3	6.25	23	47.92	13	27.08	1	2.08	0	0.00	6	
30	17C1-CNÔ12	45		14	31	0	0.00	0	0.00	6	13.33	22	48.89	9	20.00	1	2.22	0	0.00	7	
31	17C1-CNÔ13	52		9	43	0	0.00	0	0.00	6	11.54	26	50.00	10	19.23	2	3.85	0	0.00	8	
32	17C1-CNÔ14	47		13	34	0	0.00	0	0.00	2	4.26	22	46.81	11	23.40	5	10.64	0	0.00	7	
33	17C1-CNÔ15	48		6	42	0	0.00	0	0.00	3	6.25	9	18.75	17	35.42	4	8.33	0	0.00	15	
34	17C1-CNÔ16	44		7	37	0	0.00	0	0.00	0	0.00	9	20.45	17	38.64	5	11.36	0	0.00	13	
35	16CĐ-LTỐTÔ	17		3	14	0	0.00	0	0.00	3	17.65	12	70.59	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	
36	17C2-CNÔ1	21		5	16	0	0.00	1	4.76	9	42.86	6	28.57	2	9.52	0	0.00	3	14.29	0	
37	15CĐN-Ô	24		9	15	0	0.00	1	4.17	11	45.83	10	41.67	1	4.17	0	0.00	0	0.00	1	
38	16CĐN-Ô1	25		9	16	0	0.00	2	8.00	3	12.00	16	64.00	1	4.00	0	0.00	0	0.00	3	
39	16CĐN-Ô2	26		7	19	0	0.00	1	3.85	5	19.23	12	46.15	1	3.85	1	3.85	0	0.00	6	
CỘNG 38 Lớp		1678	8	491	1187	8	0.48	42	2.50	213	12.69	891	53.10	306	18.24	41	2.44	4	0.24	173	
Trung cấp																					
Ngành: Bảo trì và Sửa chữa Ô Tô																					
1	15TC-Ô	14		10	4	0	0.00	0	0.00	4	28.57	5	35.71	4	28.57	0	0.00	0	0.00	1	
2	16TC-Ô1	64		48	16	0	0.00	1	1.56	4	6.25	14	21.88	10	15.63	13	20.31	0	0.00	22	
3	16TCT-Ô1	17		9	8	0	0.00	0	0.00	11	64.71	4	23.53	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2	
4	16TN-Ô	8		1	7	0	0.00	2	25.00	1	12.50	4	50.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	
	16TCT-Ô2	15		7	8	0	0.00	0	0.00	2	13.33	12	80.00	1	6.67	0	0.00	0	0.00	0	
CỘNG 04 Lớp		118	0	75	43	0	0.00	3	2.54	22	18.64	39	33.05	15	12.71	13	11.02	0	0.00	26	

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Công nghệ Ô Tô																				
1	15TCN-Ô1	42		34	8	0	0.00	1	2.38	5	11.90	26	61.90	0	0.00	1	2.38	0	0.00	9
2	16TCN-Ô1	34		21	13	0	0.00	1	2.94	3	8.82	7	20.59	12	35.29	7	20.59	0	0.00	4
3	16TCN-Ô2	46		37	9	0	0.00	0	0.00	5	10.87	14	30.43	20	43.48	1	2.17	6	13.04	0
4	17T4-CNÔ1	52		42	10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	5	9.62	35	67.31	7	13.46	0	0.00	5
5	17T4-CNÔ2	55		44	11	0	0.00	0	0.00	5	9.09	13	23.64	17	30.91	8	14.55	0	0.00	12
6	17T4-CNÔ3	58		47	11	0	0.00	0	0.00	3	5.17	24	41.38	15	25.86	0	0.00	0	0.00	16
7	17T4-CNÔ4	53		43	10	0	0.00	0	0.00	3	5.66	10	18.87	17	32.08	2	3.77	0	0.00	21
CỘNG 07 Lớp		340	0	268	72	0	0.00	2	0.59	24	7.06	99	29.12	116	34.12	26	7.65	6	1.76	67
TỔNG CỘNG (49 LỚP)		2136	8	834	1302	8	0.37	47	2.20	259	12.13	1029	48.17	437	20.46	80	3.75	10	0.47	266

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 2.136 HSSV. Trong đó có 266 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không đánh giá rèn luyện cá nhân

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh

- Từ TB trở lên = 1.780 83.33
 - Yếu Kém = 90 4.21
 - Không xếp loại = 266 12.45